

UBND TỈNH NINH THUẬN
VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /VPUB-VXNV

Ninh Thuận, ngày tháng năm 2021

V/v đánh giá, phân loại kết quả
thực hiện nhiệm vụ cải cách
hành chính năm 2021

Kính gửi: Sở Nội vụ.

Căn cứ Quyết định số 1610/QĐ-UBND ngày 03/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành Bộ Tiêu chí đánh giá, phân loại kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính hàng năm đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Qua rà soát, đối chiếu với kết quả triển khai nhiệm vụ chuyên môn và công tác cải cách hành chính năm 2021, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của cơ quan năm 2021 theo từng tiêu chí tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1610/QĐ-UBND ngày 03/10/2019 Ủy ban nhân dân tỉnh (*cụ thể theo Phụ lục đính kèm Công văn này*).

Trên đây là kết quả tự đánh giá phân loại kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2021, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh gửi đến Sở Nội vụ tổng hợp, thẩm định theo quy định hiện hành.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- VPUB: LĐ, các phòng, ban, đơn vị;
- Lưu: VT, VXNV.

CHÁNH VĂN PHÒNG

Hồ Sĩ Sơn

PHỤ LỤC

Tiêu chí đánh giá, phân loại kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2021

(Ban hành kèm theo Công văn số /VPUB-VXNV ngày tháng 12 năm 2021 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh)

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG
A	KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (CHỨNG MINH BẰNG TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG)	80	79.5		
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	17	17		
1	Kế hoạch Cải cách hành chính năm	3	3		
1.1	Ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính năm trước ngày 15/11 của năm trước liền kề năm kế hoạch.	1	1		Kế hoạch số 4371 /KH-VPUB ngày 13/11/2020
	Trường hợp ban hành kể từ ngày 16/11 đến ngày 30/11 của năm thì trừ 0.5 điểm.				
	Trường hợp ban hành sau ngày 30/11 của năm thì không chấm điểm ở mục này.				
1.2	Xác định nhiệm vụ cải cách hành chính rõ ràng, trên các lĩnh vực theo Chương trình, kế hoạch CCHC của tỉnh; bố trí kinh phí triển khai	0.5	0.5		

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG
	Xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực theo Chương trình, kế hoạch CCHC của tỉnh: 0.25 điểm	0.25	0.25		
	Bố trí kinh phí triển khai kịp thời, đầy đủ: 0.25 điểm	0.25	0.25		
1.3	Các kết quả đạt được xác định rõ ràng, cụ thể và định rõ trách nhiệm triển khai của phòng, ban, đơn vị.	0.5	0.5		
	<i>Đạt yêu cầu: 0.5</i>				
	<i>Không đạt yêu cầu: 0</i>				
1.4	Mức độ thực hiện kế hoạch CCHC	1	1		
	<i>Thực hiện 100% kế hoạch thì chấm 1 điểm</i>				
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 100% kế hoạch thì chấm 0.5 điểm</i>				
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch thì chấm -0.5 điểm (âm 0.5 điểm)</i>				
2	Báo cáo CCHC định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, năm hoặc chuyên đề.	8	8		
2.1	Báo cáo định kỳ đầy đủ: 12 báo cáo (8 báo cáo tháng, 2 báo cáo quý, 1 báo cáo 6 tháng và 1 báo cáo năm). Trường hợp không có thì cứ 1 báo cáo trừ 0.5 điểm.	2	2		Báo cáo định kỳ đúng quy định
2.2	Tất cả báo cáo có đầy đủ nội dung theo hướng dẫn (trường hợp báo cáo thiếu nội dung thì trừ 0.5 điểm/báo cáo).	2	2		
2.3	Tất cả báo cáo được gửi đúng thời gian quy định (trường hợp báo cáo không đúng thời	2	2		

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG
	gian thì trừ 0.5 điểm/báo cáo).				
2.4	Báo cáo chuyên đề đầy đủ (trường hợp không có báo cáo hoặc báo cáo không đúng thời gian quy định thì cứ 01 báo cáo trừ 0.5 điểm).	2	2		
3	Kiểm tra công tác cải cách hành chính	2	2		Kiểm tra nội bộ thường xuyên hàng tháng
3.1	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra. Điều kiện cần và đủ để đánh giá mức độ thực hiện là: - Phải có kế hoạch kiểm tra CCHC. - Kế hoạch phải đáp ứng yêu cầu đặt ra: $\geq 30\%$ đơn vị thuộc và trực thuộc (nếu có). Trường hợp có Kế hoạch kiểm tra nhưng không đạt yêu cầu trên, đánh giá mức độ thực hiện sẽ giảm trừ 50% số điểm đạt được.	0.5	0.5		
	<i>Thực hiện 100% kế hoạch: 0.5</i>				
	<i>Thực hiện từ 50% -dưới 100% kế hoạch: 0.25</i>				
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>				
3.2	Có báo cáo sau kiểm tra	1	1		Báo cáo kết quả thực hiện sau kiểm tra.
3.3	Xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị giải quyết theo thẩm quyền (hoặc có văn bản kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý sau kiểm tra) nêu phát hiện qua kiểm tra.	0.5	0.5		

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG
	<i>100% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.5</i>				
	<i>Từ 50% - dưới 100% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.25</i>				
	<i>Dưới 50% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>				
4	Công tác tuyên truyền cải cách hành chính	1.5	1.5		Kế hoạch số 4370/KH-VPUB ngày 13/11/2020
4.1	Ban hành Kế hoạch tuyên truyền Cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị trong tháng 01 của năm (trường hợp ban hành trong tháng 02 thì không chấm điểm ở mục này).	0.5	0.5		
4.2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC.	0.5	0.5		
	<i>Thực hiện 100% kế hoạch: 0.5</i>				
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 100% kế hoạch: 0</i>				
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: -0.5</i>				
4.3	Có bài viết về công tác Cải cách hành chính đăng trên trang tin điện tử của Bộ, ngành chủ quản hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh (hoặc có bài viết được đăng báo).	0.5	0.5		Có nhiều bài viết đăng Cổng thông tin điện tử của tỉnh về công tác CCHC và các Chi số liên quan đến

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG
					CCHC
5	Sự năng động trong chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính	2.5	2.5		
5.1	Tổ chức các cuộc họp giao ban công tác CCHC định kỳ theo quý, 6 tháng và tổng kết năm (hoặc lồng ghép trong các cuộc họp cơ quan).	0.5	0.5		Thực hiện nghiêm túc
5.2	Gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua, khen thưởng	0.5	0.5		Gắn CCHC với công tác đánh giá, xếp loại hàng tháng, quý, năm và gắn với thi đua khen thưởng cuối năm.
	<i>Có thực hiện: 0.5</i>				
	<i>Không thực hiện: 0</i>				
5.3	Sáng kiến, giải pháp cải tiến trong công tác CCHC góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả trong hoạt động của cơ quan, đơn vị (trong số các sáng kiến cấp cơ sở được cấp có thẩm quyền công nhận trong năm trước liền kề của cơ quan, đơn vị).	1.5	1.5		Quyết định số 407/QĐ-HĐSK ngày 11/3/2021 của Hội đồng xét sáng kiến kinh nghiệm cấp tỉnh công nhận sáng kiến, sáng tạo

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG
					kỹ thuật năm 2020. Đề tài SKKN “ <i>Những giải pháp đột phá nâng cao Chỉ số SIPAS trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận năm 2019</i> ”.
II	CẢI CÁCH THỂ CHẾ	8	7.5		
1	Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của đơn vị hàng năm (nếu có)	2	2		
1.1	Xây dựng VBQPPL trong năm theo danh mục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt	2	2		Công văn số 3766/UBND-TCDNC ngày 19/10/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 07/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh.
	100% số văn bản được ban hành đúng tiến độ: 1 điểm	1	1		

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG
	Thực hiện dưới 100%: 0				
	<i>Lưu ý: Trường hợp đơn vị không đăng ký xây dựng văn bản QPPL và được cấp có thẩm quyền ban hành danh mục xây dựng VBQPPL trong năm nhưng thực tế có tham mưu văn bản QPPL trong năm thì chấm 0 điểm tại Điểm 1.1 Mục II.</i>				
1.2	Thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL	1	1		
	100% VBQPPL ban hành trong năm được xây dựng đúng quy trình thì chấm 1 điểm	1	1		Đúng trình tự thủ tục quy định.
	Có văn bản ban hành trong năm xây dựng chưa đúng quy trình hoặc tham mưu văn bản quy phạm pháp luật có sai sót về nội dung, thể thức kỹ thuật trình bày văn bản (căn cứ vào kết quả tự kiểm tra văn bản của năm trước liền kề hoặc kết quả kiểm tra của cấp có thẩm quyền) thì trừ 01 điểm/trường hợp.				
	<i>Lưu ý: Trường hợp cơ quan, đơn vị không có chức năng tham mưu văn bản QPPL thì không chấm điểm đối với Khoản 1 Mục II; khi đó Khoản 2 Mục II điểm chuẩn là 6 điểm (tương ứng mỗi Điểm trong Khoản 2 Điểm chuẩn được nhân 2), Khoản 3 Mục II điểm chuẩn là 3 điểm (tương ứng mỗi Điểm trong Khoản 3 điểm chuẩn được nhân 1,5).</i>				
2	Theo dõi thi hành pháp luật	3	2.5		
2.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của đơn vị	1	1		
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 1				Quyết định số 69/2019/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của UBND

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG
					tỉnh về việc ban hành Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.
	Hoàn thành từ 80% - dưới 100% kế hoạch: 0,5				
	Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0				
2.2	Thực hiện công tác báo cáo theo dõi thi hành pháp luật	1	1		
	Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 1				
	Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: 0				
2.3	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1	0.5		
	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1				
	Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.5				
	Dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0				
3	Rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	3	3		

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG
3.1	Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	1.5	1.5		Kế hoạch 1551/KH-UBND ngày 01/4/2021; Báo cáo số 422/BC-UBND ngày 27/10/2021
	Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 1.5				
	Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: 0				
3.2	Xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	1.5	1.5		
	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1.5				Báo cáo số 422/BC-UBND ngày 27/10/2021 của UBND tỉnh
	Từ 80% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1				
	Dưới 80% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0				
III	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	10	10		
1	Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính (TTHC)	2	2		

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG
1.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính	1	1		
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1 điểm</i>				
	<i>Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 0.5 điểm</i>				
	<i>Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0</i>				
1.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát	1	1		
	<i>100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1 điểm</i>		1		Báo cáo số: 366/BC-UBND ngày 20/9/2021 về việc kết quả rà soát đánh giá TTHC năm 2021
	<i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>				
2	Công bố, cập nhật thủ tục hành chính	2	2		
2.1	Báo cáo về công bố TTHC và các quy định có liên quan	1	1		
	<i>Báo cáo đúng nội dung và đúng thời gian quy định về công bố TTHC và các quy định có liên quan: 1</i>		1		- Báo cáo số 108/BC-UBND ngày 23/3/2021 của UBND tỉnh về tình hình và

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG
					<p>kết quả thực hiện công tác kiểm soát TTHC quý I năm 2021;</p> <p>- Báo cáo số 222/BC-UBND ngày 26/6/2020 của UBND tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện công tác kiểm soát TTHC quý II năm 2021;</p> <p>- Báo cáo số 370/BC-UBND ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh về Tình hình và kết quả thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính Quý III năm 2021 trên địa bàn tỉnh Ninh</p>

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG
					Thuận
	<i>Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian quy định về công bố TTHC và các quy định có liên quan: 0</i>				
2.2	Công khai đầy đủ, đúng quy định các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Trang Thông tin điện tử và tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan, đơn vị.	1	1		- Như trên-
	<i>Các cơ quan, đơn vị công khai đầy đủ, đúng quy định các thủ tục hành chính: 1.</i>		1		
	<i>Các cơ quan, đơn vị chưa công khai hoặc công khai không đúng quy định, không đầy đủ các thủ tục hành chính: -1.</i>				
3	Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị.	2	2		
3.1	Thực hiện việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị.	1	1		Trong năm không tiếp nhận phản ánh, kiến nghị nào
	<i>Thực hiện đầy đủ quy định: 1</i>		1		
	<i>Không thực hiện đầy đủ các quy định: 0</i>				
3.2	Xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị.	1	1		
	<i>100% số phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>		1		

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG
	<i>Từ 70% - dưới 100% số phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>				
	<i>Dưới 70% số phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>				
4	Thực hiện cơ chế “một cửa”, cơ chế “một cửa liên thông”	4	4		
4.1	<i>Đối với cơ quan, đơn vị thực hiện cơ chế “một cửa”, cơ chế “một cửa liên thông”</i>	4	4		
4.1.1	Thực hiện giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa”, cơ chế “một cửa liên thông” đúng quy định (trường hợp thực hiện không đúng quy trình thì trừ 0,5 điểm; trường hợp không thực hiện thì không chấm điểm cho mục này).	1	1		
4.1.2	Giải quyết hồ sơ đúng hạn, không có hồ sơ trễ hạn, tồn đọng (<i>mục này nếu trừ hết điểm chuẩn sẽ trừ điểm âm</i>).	3	3		
	<i>Trường hợp có hồ sơ trễ hạn, tồn đọng (do lỗi của đơn vị) thì cứ mỗi hồ sơ trễ hạn, tồn đọng: trừ 0.5 điểm/01 hồ sơ</i>				
	<i>Trường hợp có từ 01 đơn thư phản ánh của tổ chức, cá nhân về việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân bị trễ hạn: trừ 1điểm/đơn thư.</i>				
4.2	<i>Đối với cơ quan, đơn vị chưa thực hiện cơ chế “một cửa”, cơ chế “một cửa liên thông”</i>	4	4		
4.2.1	Bố trí phòng tiếp dân.				
4.2.2	Có quy định, quy chế phối hợp về tiếp nhận, xử lý, luân chuyển công văn đi, đến.				
4.2.3	Thực hiện giải quyết các thủ tục và công vụ đúng theo quy định hiện hành và không có vụ việc tồn đọng (trường hợp có vụ việc tồn đọng thì cứ 1 vụ việc tồn đọng trừ 1 điểm). <i>Mục này nếu trừ hết điểm chuẩn sẽ trừ điểm âm.</i>				

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG
IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH	6	6		
1	Tuân thủ các quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành về tổ chức bộ máy	3	3		
1.1	Tuân thủ các quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành về tổ chức bộ máy	1	1		
	<i>Thực hiện đầy đủ theo quy định: 1</i>				
	<i>Không thực hiện đầy đủ theo quy định: 0</i>				
1.2	Ban hành theo thẩm quyền quy chế phối hợp giữa các cơ quan để thực hiện nhiệm vụ có tính chất liên ngành.	1	1		
1.3	Ban hành Quy chế làm việc theo đúng Quy chế mẫu của Ủy ban nhân dân tỉnh.	1	1		Quyết định số 99/QĐ-VPUB ngày 29/10/2021 của Văn phòng UBND tỉnh về ban hành Quy chế làm việc của Văn phòng UBND tỉnh
2	Thực hiện phân cấp quản lý	3	3		
2.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý theo Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ về phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và Ủy ban nhân	1	1		

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG
	dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các quy định phân cấp của Trung ương				
	<i>Thực hiện đầy đủ các quy định: 1</i>				
	<i>Không thực hiện đầy đủ các quy định: 0</i>				
2.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã	1	1		
	<i>Có thực hiện: 1</i>				
	<i>Không thực hiện: 0</i>				
2.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	1	1		
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>				
	<i>Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.5</i>				
	<i>Dưới 85% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>				
V	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	12	12		
1	<i>Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm</i>	3	3		QĐ số Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 12/7/2018 phê duyệt Đề án vị trí việc làm

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG
					của Văn phòng UBND tỉnh
1.1	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh thực hiện đúng cơ cấu ngạch công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	1	1		
	<i>100% số cơ quan, tổ chức: 1</i>				
	<i>Từ 80% - dưới 100% số cơ quan, tổ chức: 0,5</i>				
	<i>Dưới 80% số cơ quan, tổ chức: 0</i>				
1.2	Mức độ thực hiện cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt.	1	1		
	<i>100% số đơn vị: 1</i>				
	<i>Từ 80% - dưới 100% số đơn vị: 0,5</i>				
	<i>Dưới 80% số đơn vị: 0</i>				
1.3	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức và bố trí, sử dụng công chức tại các cơ quan và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (nếu có).	1	1		Theo Quyết định phân bổ biên chế hàng năm của UBND tỉnh
	<i>Thực hiện đúng quy định: 1</i>				
	<i>Thực hiện chưa đúng quy định: 0</i>				

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG
2	Thực hiện chính sách tinh giản biên chế	2	2		
2.1	Xây dựng kế hoạch tinh giản biên chế cụ thể hằng năm theo kế hoạch tinh giản của tỉnh.	1	1		<ul style="list-style-type: none"> - Công văn số 907/VPUB-HCTC ngày 28/3/2018 về việc báo cáo kế hoạch thu hồi biên chế đến năm 2030. - Thực hiện theo Kế hoạch thu hồi biên chế hành chính giai đoạn 2015 - 2021 tại Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 14/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh.
	<i>Ban hành kịp thời: 1</i>				
	<i>Ban hành không kịp thời: 0</i>				
	<i>Không ban hành: -1</i>				

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG
2.2	Mức độ thực hiện kế hoạch tinh giản biên chế.	1	1		
	<i>Thực hiện 100% kế hoạch: 1</i>				
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 100% kế hoạch: 0,5</i>				
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>				
3	Công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức	2	2		
3.1	Ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức hàng năm của đơn vị trong quý I của năm.	1	1		Kế hoạch đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2021
	<i>Ban hành kịp thời: 1</i>				
	<i>Ban hành không kịp thời: 0.5</i>				
	<i>Không ban hành: 0</i>				
3.2	Mức độ thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức của đơn vị.	1	1		
	<i>Thực hiện 100% kế hoạch: 1</i>				
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 100% kế hoạch: 0.5</i>				
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>				

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG
4	Đổi mới công tác quản lý công chức	5	5		
4.1	Đánh giá công chức, viên chức hàng tháng, quý trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh và công khai đầy đủ tại cơ quan, đơn vị (cứ thiếu một tháng hoặc một quý thì trừ 0,5 điểm). Mục này nếu trừ hết điểm chuẩn sẽ trừ điểm âm.	2	2		Có văn bản báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại hàng quý gửi Sở Nội vụ
4.2	Thực hiện tốt công tác quy hoạch Trường, Phó phòng và tương đương	0.5	0.5		Kế hoạch số 1660/KH-VPUB ngày 23/4/2019 rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ 2015-2020, nhiệm kỳ 2020-2025 và những năm tiếp theo
	<i>Có thực hiện: 0.5</i>				
	<i>Không thực hiện: 0</i>				
4.3	Thực hiện tốt công tác nhập hồ sơ trên phần mềm quản lý cán bộ, công chức.	1	1		
	<i>Thực hiện tốt: 1</i>				

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG
	<i>Thực hiện không đầy đủ hoặc không thực hiện thì không chấm điểm.</i>				
4.4	Thực hiện việc bổ nhiệm công chức thuộc thẩm quyền quản lý đúng quy định (nếu có trường hợp thực hiện không đúng thì ko được điểm)	0.5	0.5		Quyết định số 94/QĐ-VPUB ngày 14/9/2018 của Chánh Văn phòng UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế thi tuyển các chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh
4.5	Thực hiện đánh giá, phân loại công chức, viên chức qua phần mềm	1	0		
	<i>Thực hiện tốt: 1</i>				
	<i>Thực hiện không đầy đủ hoặc không thực hiện thì không chấm điểm.</i>				
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	4	4		
1	Điều hành và thực hiện tốt quy chế chi tiêu nội bộ; cơ quan (kể cả các đơn vị trực thuộc) không có hành vi tiêu cực về tài chính, không bị cơ quan tài chính xuất toán.	1	1		

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG
2	Công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng tài chính công (thông báo kết quả sử dụng kinh phí định kỳ 6 tháng, năm).	1	1		
3	Thực hiện tiết kiệm kinh phí: trong năm không đề nghị cấp có thẩm quyền bổ sung kinh phí phục vụ chi thường xuyên của đơn vị (trường hợp đề nghị cấp có thẩm quyền bổ sung kinh phí phục vụ chi thường xuyên của đơn vị trên 50 triệu đồng thì không chấm điểm). <i>Trong trường hợp bổ sung kinh phí vì nguyên nhân khách quan (tổ chức các Hội nghị do các cơ quan Trung ương chỉ đạo thì không trừ điểm mục này).</i>	1	1		
4	Tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức từ nguồn kinh phí tiết kiệm được.	1	1		
VII	HIỆN ĐẠI HÓA NỀN HÀNH CHÍNH	11	11		
1	Ứng dụng công nghệ thông tin	6	6		Công văn số 774/VPUB-KTTH ngày 11/3/2020 về việc tăng cường ứng dụng CNTT trong việc gửi, nhận và xử lý văn bản điện tử không kèm bản giấy trên môi trường TDO; Kế hoạch 1857/KH-

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG
					V PUB ngày 29/5/2020 về việc triển khai Nghị quyết của Đảng ủy về ứng dụng CNTT.
1.1	Triển khai ứng dụng phần mềm Văn phòng điện tử trong cơ quan, đơn vị.	1.5	1.5		
	<i>Trường hợp đã triển khai phần mềm Văn phòng điện tử nhưng chưa thực hiện tốt: 0.5</i>				
	<i>Chưa triển khai thực hiện ứng dụng phần mềm Văn phòng điện tử trong cơ quan, đơn vị: -1</i>				
1.2	Triển khai thực hiện các dự án công nghệ thông tin được giao trong năm	0.5	0.5		
	Đã triển khai thực hiện: 0.5 điểm.				
	Chưa triển khai thực hiện: 0 điểm.				
1.3	Số lượng tin trên Trang tin điện hàng năm từ 150 tin trở lên đạt 2 điểm (trường hợp số lượng tin từ 100-149 tin thì đạt 1.5 điểm; từ 60-99 tin thì đạt 1 điểm; dưới 60 tin thì không chấm điểm).	2	2		359 tin
1.4	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử.	1	1		
	<i>Từ 80% số văn bản trở lên: 1</i>				
	<i>Dưới 80% số văn bản: 0</i>				

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG
1.5	Thực hiện ứng dụng chứng thư số trên văn bản điện tử	1	1		
	<i>Từ 80% số văn bản điện tử có ký số trở lên : 1</i>				
	<i>Dưới 80% số văn bản điện tử có ký số: 0</i>				
2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến. <i>Đối với các đơn vị có cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4.</i>	2.5	2.5		VPUBND tỉnh không có TTHC thực hiện DVCTT nên tính tối đa 2,5 điểm
2.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3,4	1.0	1.0		
	Từ 40% số hồ sơ TTHC trở lên: 1.0				
	Từ 30% - dưới 40% số hồ sơ TTHC: 0.75				
	Từ 20% - dưới 30% số hồ sơ TTHC: 0,5				
	Dưới 20% số hồ sơ TTHC hoặc Chưa triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4: 0 điểm				
2.2	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích. Phù hợp Quyết định số 2636/QĐ-BNV ngày 10/12/2018 của Bộ Nội vụ.	1.5	1.5		
2.2.1	Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	0.5	0.5		

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG
	<i>Từ 50% số TTHC trở lên có phát sinh hồ sơ: 0.5</i>				
	<i>Dưới 50% số TTHC có phát sinh hồ sơ: 0.25</i>				
2.2.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	0.5	0.5		
	<i>Từ 15% số hồ sơ TTHC trở lên: 0.5</i>				
	<i>Từ 10% - dưới 15% số hồ sơ: 0.25</i>				
	Dưới 10% số hồ sơ: 0				
2.2.3	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	0.5	0.5		
	<i>Từ 15% số hồ sơ TTHC trở lên: 0.5</i>				
	<i>Từ 10% - dưới 15% số hồ sơ: 0.25</i>				
	<i>Dưới 10% số hồ sơ: 0</i>				
3	<p>Áp dụng ISO trong hoạt động các cơ quan, đơn vị:</p> <p>Thực hiện áp dụng, chuyển đổi và cải tiến hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đúng, đủ theo quy định và có hiệu quả (trường hợp thực hiện nhưng vẫn còn hạn chế một trong các trường hợp sau thì trừ 0,5 điểm/trường hợp - Mục này nếu trừ hết điểm chuẩn sẽ trừ điểm âm):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không xây dựng Kế hoạch lộ trình chuyển đổi hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 sang TCVN ISO 9001:2015. - Không thực hiện đánh giá nội bộ, hành động khắc phục, xem xét của Lãnh đạo. - Hệ thống quản lý chất lượng không được người đứng đầu cơ quan, đơn vị xác nhận 	2.5	2.5		<p>Kế hoạch số 2289/KH-VPUB ngày 16/6/2021 về việc chuyển đổi, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN</p>

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG
	hiệu lực. - Không Công bố lại khi có sự thay đổi về hệ thống quản lý chất lượng, thủ tục hành chính, cơ cấu tổ chức. - Không báo cáo định kỳ hàng năm				ISO 9001:2015 vào hoạt động của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.
VIII	CHẤM CHỈNH KỸ LUẬT, KỸ CƯƠNG HÀNH CHÍNH (Các điểm tại mục này nếu trừ hết điểm chuẩn sẽ trừ điểm âm).	11	11		
1	Tiếp nhận, xử lý các đơn thư khiếu nại, tố cáo đúng theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo (trường hợp có văn bản nhắc nhở của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo thì trừ 1 điểm/10 đơn thư).	1	1		Không có đơn thư khiếu nại, tố cáo.
2	Thực hiện nghiêm túc, đúng thời gian quy định các văn bản chỉ đạo của Trung ương và UBND tỉnh. Trường hợp có văn bản nhắc nhở của Trung ương, UBND tỉnh hoặc văn bản do lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh ký thừa lệnh Chủ tịch UBND tỉnh để nhắc nhở, phê bình thì trừ 1 điểm/văn bản.	2	2		Thực hiện nghiêm túc thời gian tham mưu văn bản chỉ đạo của tỉnh và TW. Không có văn bản trễ hạn.
3	Phối hợp tốt với các Sở, ban, ngành, huyện, thành phố trong giải quyết các thủ tục hành chính và công việc có liên quan (theo Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 21/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh). Mục này có thể trừ theo điểm âm.	2	2		Phối hợp nhịp nhàng trong giải quyết các thủ tục hành chính.
	<i>Cứ mỗi văn bản không phối hợp tốt (theo kết quả thống kê của cơ quan chủ trì) thì trừ</i>				

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG
	<i>0,5 điểm</i>				
4	Thực hiện kỷ luật, kỷ cương trong công sở.	6	6		
4.1	Làm việc đúng giờ theo quy định.	1.5	1.5		
	<i>Trường hợp qua kiểm tra có cán bộ, công chức, viên chức đi trễ: 0</i>				
4.2	Đeo thẻ cán bộ, công chức, viên chức khi thực hiện nhiệm vụ (trường hợp qua kiểm tra có cán bộ, công chức, viên chức không đeo thẻ khi thực hiện nhiệm vụ thì trừ 0,5 điểm/cán bộ, công chức, viên chức).	0.5	0.5		
4.3	Không hút thuốc lá nơi công sở (cơ quan, đơn vị còn cán bộ, công chức, viên chức hút thuốc lá nơi công sở thì không chấm điểm ở mục này).	0.5	0.0		
4.4	Không uống rượu, bia (hoặc các loại đồ uống có nồng độ cồn tương đương) trong giờ làm việc và giờ nghỉ trưa của ngày làm việc. <i>Trường hợp có từ 01 CBCCVC vi phạm thì không chấm điểm ở mục này (kể cả CBCCVC của các cơ quan, đơn vị trực thuộc).</i>	0.5	0.5		
4.5	Không có cán bộ, công chức vi phạm kỷ luật - Trường hợp có cán bộ, công chức, viên chức (kể cả các đơn vị trực thuộc) không giữ chức vụ bị kỷ luật (đối với Công an tỉnh là cán bộ, chiến sĩ giữ chức vụ đội trưởng, đội phó) thì trừ 1 điểm/trường hợp. - Trường hợp có cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ Trưởng, phó phòng và tương đương (kể cả các đơn vị trực thuộc) bị kỷ luật thì trừ 3 điểm/trường hợp.	3	3		
IX	THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH HÀNG NĂM ĐÚNG QUY TRÌNH, THỜI GIAN QUY ĐỊNH	1	1		

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG
1	Tự tổ chức đánh giá, phân loại kết quả thực hiện nhiệm vụ Cải cách hành chính hàng năm của cơ quan, đơn vị: trước ngày 10 tháng 11 của năm - có biên bản họp cụ thể (trường hợp không có biên bản thì không chấm điểm ở mục này).	0.5	0.5		
2	Thực hiện gửi kết quả đánh giá, phân loại theo quy định về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) trước ngày 15 tháng 11 hàng năm.	0.5	0.5		
B	TÁC ĐỘNG CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (KHẢO SÁT NGƯỜI DÂN)	20			
1	Số lần đi lại để bổ sung hồ sơ khi thực hiện 01 giao dịch thủ tục hành chính (kể từ lần đầu tiên đến cơ quan cho đến ngày nhận kết quả) <i>Cứ mỗi 1% ý kiến khảo sát phản ánh đi lại từ 02 lần trở lên (do cơ quan, đơn vị hướng dẫn không đầy đủ, không rõ ràng hoặc hướng dẫn nhiều nhiều) thì trừ 0.2 điểm</i>	2			
2	Tình trạng phiền hà, sách nhiễu của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức <i>Cứ mỗi 1% ý kiến khảo sát phản ánh tình trạng cán bộ, công chức, viên chức phiền hà, sách nhiễu thì trừ 0.2 điểm</i>	2			
3	Tình trạng vơ vãnh, gợi ý nộp thêm tiền ngoài phí/lệ phí của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: <i>Cứ mỗi 1% ý kiến khảo sát phản ánh tình trạng cán bộ, công chức, viên chức vơ vãnh thì trừ 0.2 điểm</i>	2			
4	Việc giải quyết hồ sơ đúng hạn <i>Cứ mỗi 1% ý kiến khảo sát phản ánh giải quyết hồ sơ trễ hạn thì trừ 0.2 điểm</i>	2			
5	Việc thực hiện thư xin lỗi khi giải quyết hồ sơ trễ hạn <i>Cứ mỗi ý kiến khảo sát phản ánh không thực hiện thư xin lỗi khi giải quyết hồ sơ trễ hạn</i>	2			

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG
	<i>thì trừ 0.2 điểm/trường hợp</i>				
6	Mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân	10			
6.1	Hài lòng khi tiếp cận dịch vụ <i>Cứ 0,1% ý kiến phản ánh không hài lòng thì trừ 0.05 điểm</i>	2			
6.2	Hài lòng khi thực hiện thủ tục hành chính <i>Cứ 0,1% ý kiến phản ánh không hài lòng thì trừ 0.05 điểm</i>	2			
6.3	Hài lòng đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức giải quyết công việc <i>Cứ 0,1% ý kiến phản ánh không hài lòng thì trừ 0.05 điểm</i>	2			
6.4	Hài lòng với kết quả cung ứng dịch vụ công <i>Cứ 0,1% ý kiến phản ánh không hài lòng thì trừ 0.05 điểm</i>	2			
6.5	Hài lòng với việc xử lý phản ánh, kiến nghị <i>Cứ 0,1% ý kiến phản ánh không hài lòng thì trừ 0.05 điểm</i>	2			
C	ĐIỂM CỘNG		9,0		
1	Có tổ chức điều tra, khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan, đơn vị.	3 điểm	3		Công văn số 4340/VPUB-KTTH ngày 21/01/2021 của Văn phòng UBND tỉnh

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG
	Có tổ chức điều tra, khảo sát sự hài lòng: 1,5 điểm				
	Kết quả hài lòng đạt từ 90% trở lên: 1,5 điểm				24/14 phiếu hài lòng, 100%
2	Không để Ủy ban nhân tỉnh có văn bản nhắc nhở	3 điểm	3		
3	Có sáng kiến cải cách hành chính được cấp có thẩm quyền công nhận (cấp tỉnh, cấp Bộ, ngành Trung ương) - căn cứ vào sáng kiến của năm trước liền kề.	3 điểm	3		Quyết định số 407/QĐ-HĐSK ngày 11/3/2021 của Hội đồng xét sáng kiến kinh nghiệm cấp tỉnh
4	Kết quả các Chỉ số, tiêu chí thành phần đã được giao cho cơ quan, đơn vị phụ trách trong các Bộ Chỉ số: PAR INDEX, PCI, PAPI, SIPAS được tăng điểm hoặc tăng vị thứ so với năm trước liền kề.	1 điểm/01 chỉ số thành phần được tăng điểm	0		
D	ĐIỂM TRỪ				
1	Không thực hiện việc xin lỗi công dân đối với các trường hợp hồ sơ trễ hẹn hoặc không giải thích cụ thể đối với các trường hợp trả lại hồ sơ.	-1 điểm/hồ sơ			
2	Không công khai, minh bạch tiếp cận các thông tin, tài liệu của các cơ quan nhà nước trong tỉnh đối với doanh nghiệp theo quy định.	-1 điểm			

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG
3	Trễ hạn khi thực hiện văn bản chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh: - Dưới 5%: - 2 điểm; - Từ 5% - dưới 10%: - 5 điểm; - Từ 10% - dưới 20%: - 10 điểm; - Từ 20% - 30%: - 15 điểm; - Từ 30% trở lên: - 20 điểm.				
4	Chưa ứng dụng triển khai chữ ký số tại đơn vị	-1 điểm			
5	Kết quả các Chỉ số, tiêu chí thành phần đã được giao cho cơ quan, đơn vị phụ trách trong các Bộ Chỉ số: PAR INDEX, PCI, PAPI, SIPAS bị giảm điểm so với năm trước liền kề.	-1 điểm/01 chỉ số thành phần giảm điểm			
ĐIỂM TỔNG CỘNG (A+B+C+D)			88.5		

Ghi chú:

- Cơ quan, đơn vị đề UBND tỉnh phê bình (hoặc đề nghị kiểm điểm) bằng văn bản trong thực thi công vụ thì hạ 1 bậc xếp loại.

- Trường hợp cơ quan, đơn vị báo cáo số liệu giải quyết hồ sơ trễ hạn không đúng thực tế bị phát hiện qua kiểm tra thì hạ 01 bậc xếp loại.

- Cơ quan, đơn vị có cán bộ, công chức giữ chức vụ Giám đốc, Giám đốc Sở (hoặc tương đương) bị kỷ luật từ khiển trách trở lên thì hạ 2 bậc xếp loại.

- Các cơ quan, đơn vị khi tiến hành chấm điểm không mang theo tài liệu kiểm chứng để chứng minh hoặc không có cơ sở để chứng minh thì không chấm điểm tại mục đó.

Kết quả xếp loại:

- Điểm tổng cộng từ 90 điểm trở lên: xếp loại Tốt.
 - Điểm tổng cộng từ 70 đến dưới 90 điểm: xếp loại Khá.
 - Điểm tổng cộng từ 50 đến dưới 70 điểm: xếp loại Trung bình.
 - Điểm tổng cộng dưới 50 điểm: xếp loại Yếu.
- (Điểm tổng cộng không được làm tròn).*